

Dự án cho một trạm mạng về văn bản Hán Việt

Alexandre Lê

Người ta thường lấy các năm 1867, 1915 và 1919 làm những mốc khác nhau cho việc chấm dứt nền thi cử truyền thống ở ba miền Nam, Bắc và Trung¹. Như vậy là chấm dứt mười mấy thế kỷ di sản văn hóa *chữ Nho* của dân tộc. Các thời điểm đó cũng là những điểm mốc mở ra một kỷ nguyên mới cho xã hội được gọi là *thời hiện đại*. Từ cuối thế kỷ XIX, song song với việc thích nghi và phát triển các yếu tố hiện đại đến từ bên ngoài là những nỗ lực tái thể hiện, do ý thức về bản sắc văn hóa, một phần của di sản truyền thống qua các công trình phiên âm, dịch thuật², và nghiên cứu về sự hình thành, tiến trình phát triển và bản chất của Hán Nôm trong di sản văn hóa dân tộc³.

Đối với các công trình nghiên cứu chuyên môn về Hán Việt, ta có thể nhắc tới lĩnh vực ngôn ngữ học với *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt* của Nguyễn Tài Căn⁴, lĩnh vực thư tịch học với *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm* của Trần Văn Giáp⁵, *Di sản Hán Nôm Việt Nam – Thư mục đề yếu* của Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Ecole française d'Extrême-Orient⁶, bên cạnh vô số những bài viết và công trình về những gì liên quan đến chữ Nho, nhà Nho và Nho giáo ở Việt Nam⁷.

Với một di sản Hán Việt đồ sộ và đa dạng, việc dịch thuật, dù khách quan đi nữa, cũng chỉ có thể tái thể hiện một phần nhỏ mà thôi. Song, việc dịch văn bản càng đi xa thì lại dần dần đặt ra vấn đề văn bản "gốc" mà người Việt chúng ta ngày nay thường thấy thiếu hụt. Chúng ta tuy có cảm giác nắm bắt được một phần của di sản văn hóa do tiền nhân để lại, nhưng lại cũng thấy rằng chúng ta ngày càng xa lạ với di sản đó và các

¹ Năm 1867 là năm thực dân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Tây còn lại của miền Nam (Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên) sau khi đã thu được năm 1862 ba tỉnh miền Đông (Biên Hòa, Gia Định và Định Tường). Theo *Lịch sử giáo dục Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh (1698-1998)* của Hồ Hữu Nhứt thì ở miền Nam khóa thi hương cuối cùng đã được tổ chức tại trường thi An Giang năm 1864 (tr. 25). Năm 1915 là năm diễn ra khóa thi hương cuối cùng ở miền Bắc (tại trường Nam), và năm 1919 là năm Nam Triều ra chỉ dụ bãi bỏ các trường chữ Nho trong khi khóa thi cuối cùng ở miền Trung được tổ chức năm 1918.

² Ở miền Nam, vào những thập niên cuối của thế kỷ XIX đã có hai phong trào song song: phiên dịch sách kinh điển của Nho gia (Tứ thư,...) và phiên âm tác phẩm nôm (chủ yếu là truyện nôm). Những tác phẩm Hán Việt, theo chỗ chúng tôi biết dường như không được đề cập đến.

³ Chúng tôi chỉ đề cập đến di sản Hán Việt trong bài viết này. Tuy nhiên, các kết luận của chúng tôi cũng có thể dùng cho di sản nôm.

⁴ Nguyễn Tài Căn, *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, Hà Nội: nxb. Khoa học Xã hội, 1979 (tái bản năm 2000).

⁵ Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, t. 1-2, Hà Nội: Thư Viện Quốc Gia, 1970 (t. 1), Hà Nội: nxb. Khoa học Xã hội, 1990 (t. 2).

⁶ Trần Nghĩa, François Gros (chủ biên), *Di sản Hán Nôm: Thư mục đề yếu (Catalogue des livres en Hannôm)*, t. 1-3, Hà Nội: nxb. Khoa học Xã hội, 1993.

⁷ Vào đầu thế kỷ XX, trong tiến trình phát triển của xã hội hiện đại, ý thức về bản sắc văn hóa truyền thống đã phát triển mạnh mẽ, nhất là trong việc xác định các yếu tố chính của văn hóa, tạo nên những cuộc tranh luận giữa "tân" và "cựu" về nhiều vấn đề và nhất là về *quốc học* (từ những năm 20, 30 của thế kỷ XX) qua đó yếu tố Hán Việt thường được đưa ra đánh giá.

văn bản gốc cũng đã nghiêm nhiên trở thành những hiện vật bảo tàng khó tiếp xúc⁸. Hơn nữa, những người có khả năng tiếp xúc trực tiếp văn bản đó ngày càng hiếm. Đứng trước một nhan đề sách viết bằng chữ Hán nào đó, rất ít người trong chúng ta có thể ý thức được rằng đó là tác phẩm của Việt Nam hay của nước nào đó khác như Trung Quốc, Triều Tiên hoặc Nhật Bản. Nếu đó là tác phẩm của một trong ba nước kể trên thì ta có thể cho hiện tượng này là *bình thường* vì đó là vấn đề hiểu biết hay không hiểu biết một ngoại ngữ.

Nhưng điều đó sẽ khác nếu đó là *Việt âm thi tập* 越音詩集, *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書 hay *Đại Nam quốc sử diễn ca* 大南國史演歌, *Nam phong giải trào* 南風解嘲,... vì vấn đề không đơn giản chỉ là hiểu biết hay không hiểu biết một ngoại ngữ mà cũng là hiểu biết hay không hiểu biết về văn hóa của dân tộc.

Ý thức về sự mai một không gì cưỡng lại được của Hán Việt, một số nhà trí thức từ một thế kỷ nay đã cố gắng duy trì việc giảng dạy chữ Hán văn ngôn. Đó là những nỗ lực của Thái Dương Văn Đoàn⁹, của Nguyễn Di Luân¹⁰, của Lê Thước và Nguyễn Hiệt Chi¹¹, của Nguyễn Văn Ba¹², của Nguyễn Khuê¹³, của Trần Trọng San¹⁴, của Võ Như Nguyễn và Nguyễn Hồng Giao¹⁵, của Lê Văn Quán¹⁶, v.v... Đó là những nỗ lực qua nhiều thế hệ để những ai quan tâm đến Hán Việt có thể tự tìm đến mà học hỏi¹⁷. Song, vấn đề giảng dạy Hán Việt không được đặt ra một cách hệ thống ở cấp Giáo dục nên hiểu biết về Hán Việt chỉ nằm ở những nỗ lực cá nhân¹⁸.

⁸ Trong gần một thế kỷ, đôi khi cũng có những bản dịch hoặc tuyển tập có chữ Hán đi kèm. Ta có thể kể *Hoàng Việt thi văn tuyển* của Nhóm Lê Quý Đôn (1958), *Thơ văn Lý Trần* của Đặng Thai Mai, Cao Xuân Huy (chỉ đạo và duyệt) (1977-1988), và mới đây là bộ *Tổng tập văn học Việt Nam* (2000) của Đinh Gia Khánh (chủ tịch hội đồng biên soạn), *Ngôi chùa - Một vùng tâm thức, một vùng thi ca* của Nguyễn Hiệp và Nguyễn Khắc Mai (2001), *Ngữ văn Hán Nôm* (2004) của Trần Lê Sáng (chủ biên), bên cạnh một số công trình biên khảo về tác phẩm (và con người) của một nhân vật lịch sử nào đó như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Phan Huy Ích, Nguyễn Thông, v.v... Nhờ đó, việc nghiên cứu cũng đỡ vất vả. Song, càng về sau, sách in cũng có nhiều lỗi chữ Hán cần phải đính chính.

⁹ Thái Dương Văn Đoàn, *漢學自修 Hán học tự tu – Le caractère chinois par soi-même*, Hà Nội: Librairie Văn Lâm, 1941 (?).

¹⁰ Nguyễn Di Luân, *Hán học phổ thông*, Hà Nội: Nam Thiên thư cục (không đề năm).

¹¹ Lê Thước và Nguyễn Hiệt Chi, *Hán văn tân giáo khoa thư*, Hà Nội: Bộ quốc gia giáo dục xuất bản, 1954.

¹² Nguyễn Văn Ba, *Hán văn tự học 漢文自學*, nxb. Đồng Tháp, 1992 (in lần đầu:?). Lần đầu: Editions TRI TRI, 1942.

¹³ Nguyễn Khuê, *Hán văn tân khóa bản*, Saigon: Lửa Thiêng, 1973 (tái bản có sửa chữa và bổ sung năm 1997 dưới tên gọi *Sách học tiếng Hoa: Tự học Hán văn*, nxb. TP. Hồ Chí Minh).

¹⁴ Trần Trọng San, *Tiếng Hoa thực hành: Hán văn 漢文*, nxb. TP. Hồ Chí Minh, 1991 (in lần đầu: ?).

¹⁵ Võ Như Nguyễn và Nguyễn Hồng Giao, *Hán văn giáo khoa thư 漢文科書*, t. 1-2, nxb. Đà Nẵng, 1997 (in lần đầu:?).

¹⁶ Lê Văn Quán, *Giáo trình chữ Hán*, Hà Nội: nxb. Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, 1978.

¹⁷ Chúng tôi không tìm được thông tin đầy đủ về các giáo trình Hán văn được biên soạn bằng tiếng Việt và xuất bản từ buổi đầu. Theo thư tịch Hán Nôm cho biết thì vào cuối thế kỷ XIX-đầu thế kỷ XX đã có những giáo trình chữ Hán cho trẻ em, như *Ấu học Hán tự tân thư 幼學漢字新書* do Dương Lâm, Đoàn Triển và Bùi Hường Thành biên soạn.

¹⁸ Chúng tôi được biết vào thời Pháp thuộc cũng có giờ dạy chữ Nho, nhưng không có dữ liệu cụ thể.

Vậy, vấn đề hôm nay đặt ra là gì? Ý thức được sự chênh lệch này giữa di sản và khả năng tiếp thu của những người thừa hưởng chính thức, người Việt Nam, một số học giả đã cố gắng giải quyết vấn đề qua việc công hiến một vốn kiến thức cơ bản về Hán Việt. Đó là những *Cơ sở ngữ văn Hán Nôm*¹⁹, *Ngữ văn Hán Nôm*²⁰. Song, những sách này xuất bản đã lâu và nay cũng không được in lại để phổ biến rộng rãi.

Chúng tôi nhận thấy nhu cầu đặt ra hôm nay một cách bức xúc là vấn đề văn bản như là điểm xuất phát cho một số hành động có tính chất hệ thống và tiêu biểu. Chúng tôi xin đề nghị xuất phát từ văn bản để bước đầu có một cái nhìn hệ thống về thể loại và loại hình văn bản và sau đó hướng tới các bảng từ vựng cho mỗi loại ngôn ngữ như *ngôn ngữ thơ ca*, *ngôn ngữ truyền kỳ*,... Sau này nếu điều kiện cho phép, chúng tôi sẽ tập hợp các bảng từ vựng đó để tiến đến một bộ tự/từ điển Hán Việt - Việt và đề cập đến những lĩnh vực ngôn ngữ học liên quan khác.

Vì không thể tiếp cận hết tất cả các thể loại-loại hình, chúng tôi xin đề nghị các tuyển tập sau đây với các số lượng văn bản tạm thời:

1/ Tuyển tập thơ ca Hán Việt 漢越詩歌選集 [2000 bài]

2/ Tuyển tập câu đối Hán Việt 漢越對聯選集 [1000 câu]

3/ Tuyển tập phú Hán Việt 漢越賦選集 [100 bài]

4/ Tuyển tập truyền kỳ Hán Việt 漢越傳奇選集 [100 bài]

5/ Tuyển tập tiểu sử Hán Việt 漢越小傳選集 [100 bài]

6/ Tuyển tập tiểu thuyết Hán Việt 漢越小說選集 [100 đoạn]

7/ Tuyển tập biên khảo, bút ký Hán Việt 漢越編考筆記選集 [100 bài]

¹⁹ Lê Trí Viễn (chủ biên), Đặng Đức Siêu, Nguyễn Ngọc San, Đặng Chí Huyền, *Cơ sở ngữ văn Hán Nôm*, t. 1-4, nxb. Giáo Dục, 1984-1987.

²⁰ Đặng Đức Siêu, *Ngữ văn Hán Nôm*, t. 1-3, nxb. Giáo Dục, 1987-1989. Bộ này cũng có sách bài tập mang tên *Thực hành ngữ văn Hán Nôm*, nxb. Giáo Dục, 1990.

8/ Tuyển tập sử ký Hán Việt 漢越史記選集 [100 đoạn]

9/ Tuyển tập địa dư Hán Việt 漢越地輿選集 [100 đoạn]

10/ Tuyển tập văn bia Hán Việt 漢越碑記選集 [100 bài]

11/ Tuyển tập các loại tứ lục Hán Việt 漢越四六諸式選集 [100 bài cho các thể loại]

12/ Tuyển tập văn bản pháp luật Hán Việt 漢越刑律諸式選集 [100 đoạn-bài]

[Trên đây là những con số ước tính, không bắt buộc phải theo sát. Nếu có khả năng thì sẽ mở rộng để đáp ứng nhu cầu của từng thể loại-loại hình. Hoặc sẽ thu hẹp nếu thư tịch không cho phép. Điều quan trọng là các văn bản phải mang tính cách biểu trưng nào đó và đáp ứng nhu cầu về niên đại]

Nhưng để thực hiện được dự án trên, chúng tôi nghĩ rằng phải xuất phát từ một thí dụ cụ thể để rút kinh nghiệm và xây dựng một đề cương chung cho dự án trước khi đi đến những đề cương riêng cho từng thể loại-loại hình như đã nêu.

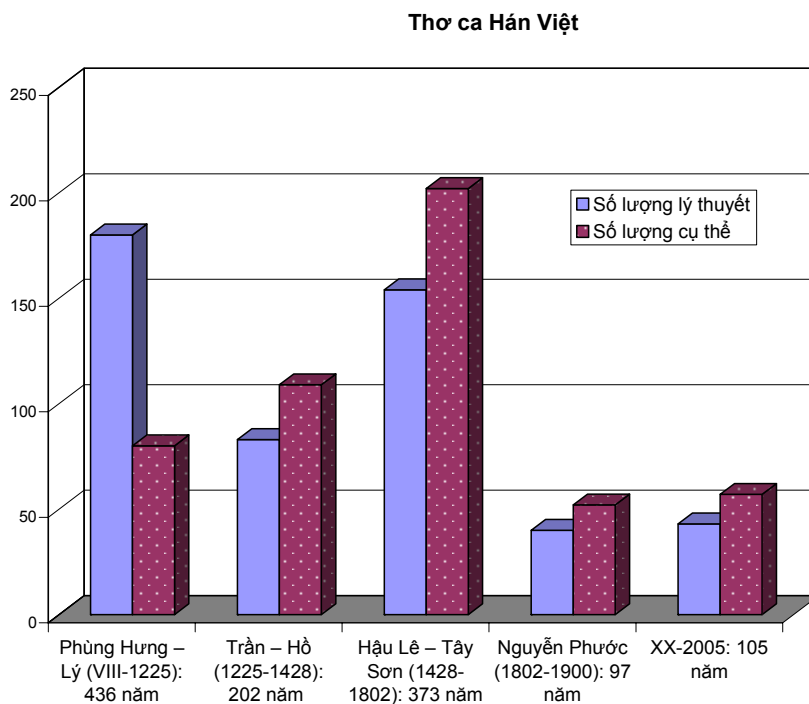
Thơ ca là một thể loại mà theo chúng tôi có thể hội tụ các đặc điểm và đáp ứng yêu cầu về tính liên tục (niên đại) và đa dạng. Vì vậy, chúng tôi dự định giới thiệu một *Tuyển tập thơ ca Hán Việt* 漢越詩歌選集 gồm 500 bài. Số lượng này không nhiều, nhưng cũng có thể xem là đủ cho một thí dụ điển hình cho dự án.

Tuyển tập thơ ca Hán Việt 漢越詩歌選集

Như chúng tôi đã trình bày, dưới đây là những kết luận sơ bộ của chúng tôi sau một thời gian dài suy nghĩ và sưu tầm. *Tuyển tập thơ ca Hán Việt* với tư cách là một thí dụ khiêm tốn chỉ bao gồm 500 bài thơ ca rút ra từ di sản Hán Việt từ buổi đầu đến nay. Sau đây là phân bố các bài theo niên đại:

Các thời đại thơ ca từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XXI (1213 năm tính đến năm 2005)	Số lượng lý thuyết	Giá trị thêm/bớt*	Số lượng cụ thể
I. Phùng Hưng – Lý (VIII-1225): 436 năm	180	-100	80
II. Trần – Hồ (1225-1428): 202 năm	83	+26	109
III. Hậu Lê – Tây Sơn (1428-1802): 373 năm**	154	+48	202
IV. Nguyễn Phước (1802-1900): 97 năm***	40	+12	52
V. XX-2005: 105 năm	43	+14	57
Tổng số bài thơ:			500

Biểu đồ phân bố các giá trị:



* Đây là những giá trị được thêm bớt do nhu cầu cụ thể: Đến thời Lý, thơ ca không còn lại nhiều nên sách vở chỉ thu thập được khoảng 80 bài. Vậy so với số lượng lý thuyết (tính theo số bài/năm của mỗi thời kỳ) ở đây thiếu khoảng 100 bài. Nhưng vì tổng số được xác định là 500 bài nên số thiếu đó phải được chia cho các thời kỳ khác theo nhu cầu và những giá trị này là những con số có dấu + đi kèm. Những bài thơ thêm này được tính theo tỷ lệ phần trăm của năm. Trừ thời Lê – Lý ra còn 777 năm, tức 100% của 100 bài thơ cần phải chia. Sau đây là kết quả phân bố:

1. 202 năm của Trần Hồ trên 777 năm là $\approx 26\%$, tức ≈ 26 bài

2. 373 năm của Lê Trung Hưng và Tây Sơn trên 777 năm là $\approx 48\%$, tức ≈ 48 bài
3. 97 năm Nguyễn Phước trên 777 năm là $\approx 12,5\%$, tức ≈ 12 bài
4. 105 năm các thế kỷ XX-XXI trên 777 năm là $\approx 13,5\%$, tức ≈ 14 bài

** Nhà Trần chỉ kéo dài từ 1225 đến 1400. Sau đó là thời kỳ thuộc Minh, nhưng ta không có thơ ca của nhà Nho Việt Nam làm quan cho chính phủ mới nên chúng tôi tạm cho kéo dài thời kỳ Trần Hồ đến năm 1428. Đây chỉ là một ước lệ để phân phối thơ ca Hán Việt cho các thời kỳ.

*** Triều đại nhà Nguyễn kéo dài từ 1802 đến 1945, nhưng vì tình trạng mất chủ quyền từ cuối thế kỷ XIX và thời hiện đại đã mở ra với đất nước, chúng tôi đã cho thơ ca Hán Việt nhà Nguyễn chấm dứt vào cuối thế kỷ XIX để dành trọn thế kỷ XX cho thời kỳ tiếp theo. Cách phân chia này, tuy có nguồn gốc lịch sử cũng như văn hóa, văn học, nhưng chỉ là một ước lệ, không mang giá trị lịch sử cụ thể và chính thức.

Phân bố chi tiết các bài thơ theo niên đại:

I. Phùng Hưng-Lý: VIII-1225: 80/180 bài.

- I.A. VIII-1100: 28 bài.
- I.B.: 1100-1225: 52 bài.

II. Trần-Hồ: 1225-1400: 109/83 bài.

- II.A. 1225-1300: 40 bài.
- II.B. 1300-1428: 69 bài.

III. Lê-Mạc-Lê [Trịnh-Nguyễn]-Tây Sơn: 1428-1802: 202/154 bài.

- III.A. 1428-1500: 39 bài.
- III.B. 1500-1600: 54 bài.
- III.C. 1600-1700: 54 bài.
- III.D. 1700-1802: 55 bài.

IV. Nguyễn: 52/40 bài.

V. XX-XXI: 57/43 bài.